### Use case “Đăng ký thành viên”

Định danh

* *Tên :* Đăng ký thành viên
* *Mục tiêu :* Use case này mô tả cách một người dùng đăng ký tài khoản thành viên
* *Tác nhân chính :* khách vãng lai
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất :* 15/03/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi :* Use case này bắt đầu khi một actor muốn đăng ký tài khoản thành viên
* *Điều kiện đầu (pre-cond) :* chưa đăng nhập
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages) :*

+ Actor thực hiện chức năng đăng ký.

+ Hệ thống hiển thị yêu cầu xác nhận từ actor

+ Actor điền các thông tin vào form đăng ký

+ Actor tiến hành đăng ký

+ Hệ thống kiểm tra các thông tin đăng ký

* *Điều kiện cuối (post-cond) :* nếu use case thành công, actor lúc này đã được cấp tài khoản và đăng nhập vào hệ thống. Nếu không, trạng thái hệ thống không thay đổi.
* *Xử lý ngoại lệ*: Nếu thông tin đăng ký không hợp lệ hệ thống sẽ gửi một thông điệp lỗi, lúc này actor có thể chọn trở về đăng ký lại hoặc hủy bỏ việc đăng ký, use case kết thúc

+ Nếu actor nhập sai email sẽ hiển thị thông điệp mail không hợp lệ

+ Nếu actor bỏ trống sẽ hiển thị thông điệp không được để trống họ

+ Nếu actor tên sẽ hiển thị thông điệp không được để trống tên

+ Nếu actor không chọn ngày sinh sẽ hiển thị thông điệp không được để trống ngày sinh

+ Nếu actor không nhập số điện thoại sẽ hiển thị thông điệp không được để trống số điện thoại

+ Nếu actor nhập sai số điện thoại sẽ hiển thị thông điệp số điện thoại không hợp lệ

+ Nếu actor nhập sai email sẽ hiển thị thông điệp email không hợp lệ

### Use case “Đăng nhập”

Định danh

* *Tên :* Đăng nhập
* *Mục tiêu :* Use case này mô tả cách một người dùng đăng nhập vào hệ thống đăng ký học phần
* *Tác nhân chính :* khách vãng lai

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi :* Use case này bắt đầu khi một actor muốn đăng nhập vào hệ thống mua hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond) :* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages) :*

+ Hệ thống yêu cầu actor nhập email hoặc số điện thoại và mật khẩu.

+ Actor nhập tên và mật khẩu

+ Hệ thống kiểm chứng email/sdt và mật khẩu được nhập và cho phép actor đăng nhập vào hệ thống.

* *Điều kiện cuối (post-cond) :* nếu use case thành công, actor lúc này đã đăng nhập vào hệ thống. Nếu không, trạng thái hệ thống không thay đổi.
* *Xử lý ngoại lệ*: Nếu actor nhập sai tên hoặc mật khẩu, hệ thông sẽ hiển thị một thông điệp lỗi. Actor có thể chọn trở về đăng nhập lại hoặc hủy bỏ việc đăng nhập, lúc này use case kết thúc.

Nếu actor nhập sai:

+ Email: sẽ hiển thị thông điệp không tồn tại email.

+ Số điện thoại: sẽ hiển thị thông điệp số điên thoại không tồn tại.

+ Password: sẽ hiển thị thông điệp yêu cầu nhập đúng mật khẩu.

### Use case ”Tìm kiếm sản phẩm”

Định danh

* *Tên :* Tìm kiếm sản phẩm.
* *Mục tiêu :* hiển thị đúng sản phẩm actor cần tìm kiếm
* *Tác nhân chính :* khách vãng lai, thành viên, nhân viên, admin

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi :* Use case này bắt đầu khi một actor muốn tìm kiếm một sản phẩm
* *Điều kiện đầu (pre-cond) :* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages) :*

+ Actor nhập tên sản phẩm hoặc mã sản phẩm cần tìm kiếm.

* *Điều kiện cuối (post-cond) :* nếu use case thành công, sản phẩm sẽ được hiển thị ra giao diện
* *Xử lý ngoại lệ*: Nếu tên hoặc mã sản phẩm không tồn tại hệ thống sẽ hiện thống báo lỗi.

### Use case ”Tìm kiếm loại sản phẩm”

Định danh

* *Tên :* Tìm kiếm loại sản phẩm.
* *Mục tiêu :* hiển thị đúng loại sản phẩm actor cần tìm kiếm
* *Tác nhân chính :* khách vãng lai, thành viên, nhân viên, admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất :* 05/12/08
* *Người tạo :* Lê Minh Nghĩa – B1605229
* *Phiên bản (version):* 1

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi :* Use case này bắt đầu khi một actor muốn tìm kiếm một loại sản phẩm
* *Điều kiện đầu (pre-cond) :* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages) :*

+ Actor nhập tên loại sản phẩm hoặc mã loại sản phẩm cần tìm kiếm.

* *Điều kiện cuối (post-cond) :* nếu use case thành công,các sản phẩm sẽ được hiển thị ra giao diện
* *Xử lý ngoại lệ*: Nếu tên hoặc mã loại sản phẩm không tồn tại hệ thống sẽ hiện thống báo lỗi.

### Use case ”Lọc sản phẩm”

Định danh

* *Tên :* Lọc sản phẩm
* *Mục tiêu :* hiển thị sản phẩm theo đúng mục actor cần
* *Tác nhân chính :* khách vãng lai, thành viên
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất :* 05/12/08
* *Người tạo :* Lê Minh Nghĩa – B1605229
* *Phiên bản (version):* 1

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi :* Use case này bắt đầu khi một actor muốn lọc các sản phẩm hiển thị theo thương hiệu, xuất xứ, giá, dung lượng.
* *Điều kiện đầu (pre-cond) :* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages) :*

+ Actor chọn mục sản phẩm cần hiển thị

+ Hệ thống sẽ kiểm tra và hiển thị các sản phẩm theo yêu cầu của actor.

* *Điều kiện cuối (post-cond) :* các sản phẩm sẽ được hiển thị ra giao diện theo yêu cầu của actor
* *Xử lý ngoại lệ*: không có.

### Use case ”Sắp xếp sản phẩm”

Định danh

* *Tên :* Sắp xếp sản phẩm.
* *Mục tiêu :* sắp xếp sản phẩm theo đúng trình tự actor cần
* *Tác nhân chính :* khách vãng lai, thành viên
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất :* 05/12/08
* *Người tạo :* Lê Minh Nghĩa – B1605229
* *Phiên bản (version):* 1

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi :* Use case này bắt đầu khi một actor muốn sắp xếp các sản phẩm hiển thị theo tên, giá, đánh giá, độ mới.
* *Điều kiện đầu (pre-cond) :* actor đã thực hiện xong use case tìm kiếm sản phẩm hoặc tìm kiếm loại sản phẩm.
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages) :*

+ Actor chọn yêu cầu sắp xếp cần hiển thị

+ Hệ thống sẽ kiểm tra và hiển thị các sản phẩm theo yêu cầu của actor.

* *Điều kiện cuối (post-cond) :* các sản phẩm sẽ được hiển thị ra giao diện theo yêu cầu của actor
* *Xử lý ngoại lệ*: không có.

### Use case ” Tìm kiếm chính sách của cửa hàng”

Định danh

* *Tên :* Tìm kiếm chính sách của cửa
* *Mục tiêu :* hiển thị các chính sách của cửa hàng cho actor
* *Tác nhân chính :* khách vãng lai, thành viên, nhân viên, admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất :* 05/12/08
* *Người tạo :* Lê Minh Nghĩa – B1605229
* *Phiên bản (version):* 1

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi :* Use case này bắt đầu khi một actor muốn xem chính sách của cửa hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond) :* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages) :*

+ Actor chọn mục chính sách trên giao diện chính

* *Điều kiện cuối (post-cond) :* các chính sách của cửa hàng sẽ hiển thị ra cho actor
* *Xử lý ngoại lệ* : Nếu actor tìm kiếm một khuyến mãi không có trong cửa hàng sẽ hiển thị thông báo

### Use case ”Hỏi đáp”

a. Định danh:

- Tên: hỏi đáp

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor để lại câu hỏi, thắc mắc cho cửa hàng.

- Tác nhân chính: thành viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 06/03/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn đặt câu hỏi cho cửa hàng trên hệ thống.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập và tìm kiếm sản phẩm

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1.Actor chọn sản phẩm.

2. Actor vào mục hỏi đáp và để lại câu hỏi cho cửa hàng.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công câu hỏi sẽ được gửi đến cho nhân viên.

- Xử lý ngoại lệ: câu hỏi không được vượt quá 500 ký tự.

### Use case ”Đánh giá”

a. Định danh:

- Tên: đánh giá

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor để lại đánh giá cho sản phẩm.

- Tác nhân chính: thành viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 06/03/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn đánh giá một sản phẩm .

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập và tìm kiếm sản phẩm

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1.Actor chọn sản phẩm.

2. Actor chọn mức độ đánh giá sản phẩm từ 1 đến 5.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công đánh giá sẽ được hiện ra.

- Xử lý ngoại lệ:không có.

### Use case ”bình luận”

a. Định danh:

- Tên: bình luận

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor để bình luận cho sản phẩm.

- Tác nhân chính: thành viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 06/03/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn để lại bình luận cho sản phẩm.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập và tìm kiếm sản phẩm

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn sản phẩm.

2. Actor vào mục bình luận và viết ra bình luận của riêng actor, actor có thể thêm hình ảnh tối đa 10 bức ảnh.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công bình luận sẽ được hiển thị ra ngoài ở mục bình luận.

- Xử lý ngoại lệ: bình luận phải tối thiểu 100 ký tự và tối đa 500 ký tự.

### Use case ”Sửa bình luận”

a. Định danh:

- Tên: sửa bình luận

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor để chỉnh sửa bình luận của chính actor.

- Tác nhân chính: thành viên, nhân viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 06/03/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn chỉnh sửa lại bình luận của chính actor đó.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập, tìm kiếm sản phẩm và bình luận sản phẩm

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn sản phẩm.

2. Actor vào mục bình luận, chỉnh sửa và viết lại bình luận của actor.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công bình luận sẽ được hiển thị ra ngoài ở mục bình luận.

- Xử lý ngoại lệ: bình luận phải tối thiểu 100 ký tự và tối đa 500 ký tự.

### Use case ”xóa bình luận”

a. Định danh:

- Tên: xóa bình luận

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor để xóa bình luận của chính actor đó.

- Tác nhân chính: thành viên, nhân viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 06/03/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn xóa bình luận của chính actor đó.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập, tìm kiếm sản phẩm và bình luận sản phẩm

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn sản phẩm.

2. Actor vào mục bình luận, xóa bình luận của actor.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công bình luận được xóa bỏ.

- Xử lý ngoại lệ: bình luận phải tối thiểu 100 ký tự và tối đa 500 ký tự.

### Use case ”Thêm sản phẩm vào giỏ”

a. Định danh:

- Tên: thêm sản phẩm vào giỏ

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor thêm sản phẩm vào giỏ của actor.

- Tác nhân chính: thành viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 06/03/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn thêm sản phẩm vào giỏ hàng của actor.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập, tìm kiếm sản phẩm

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn sản phẩm.

2. Actor chọn thêm sản phẩm.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công bình luận sẽ được thêm vào giỏ hàng.

- Xử lý ngoại lệ: Nếu sản phẩm đã hết thì không thể thêm vào giỏ.

### Use case ”Xem thông tin cá nhân”

a. Định danh:

- Tên: xem thông tin cá nhân

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor xem thông tin cá nhân.

- Tác nhân chính: thành viên, nhân viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 3/20/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn xem thông tin cá nhân.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn mục cá nhân.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công thông tin cá nhân của actor sẽ hiển thị.

- Xử lý ngoại lệ: không có.

### Use case ”Xem điểm tích lũy”

a. Định danh:

- Tên: xem điểm tích lũy

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor xem điểm tích lũy hiển tại.

- Tác nhân chính: thành viên, nhân viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 3/20/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor xem điểm tích lũy hiện tại của actor.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập.

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn cá nhân.

2. Actor chọn điểm tích lũy.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công điểm tích lũy sẽ hiển thị.

- Xử lý ngoại lệ: không có.

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””

### Use case ””